

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Dân An**

2. Ông **Đặng Thanh Quang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thái Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Lâm Thuý Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **HTTT**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 28, hẻm 56, đường A, khu phố A, phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **VHQ**, sinh năm 1996; Địa chỉ: số 29, hẻm 20, đường A, khu phố A, phường B, xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị HTTT trình bày: Chị và anh Q chung sống vợ chồng đầu năm 2017, đến ngày 26/12/2017 được UBND xã Hiệp Tân, huyện Hoà Thành (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, là hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng, không hợp nhau, vợ chồng không

có tiếng nói chung, do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu, nếu chị khuyên ngăn thì anh Q dùng lời lẽ nặng nề chưởi mắng, không tôn trọng chị, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, vợ chồng không gặp nhau, Nay tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, nên chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên VHGH, sinh năm: 28/5/2020 con chung hiện sống chung với chị T.

Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày bị đơn VHQ: anh Q thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn. Xác nhận vợ chồng chung sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ tháng 8/2023 chị T về nhà cha mẹ vợ sống ly thân cho đến nay, thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh cũng không gặp mặt chị T để thuyết phục hàn gắn, vì vợ anh tự ý ra ngoài sống riêng. Tuy nhiên nay chị T có yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì anh vẫn còn thương vợ thương con.

Về con chung; Về tài sản, nợ chung: Anh Q thống nhất lời trình bày chị T về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không tranh chấp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:* phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; chị HTTT, anh VHQ có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Q theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q; Về con chung: giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Chị HTTT, anh VHQ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh Q theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của Chị HTTT với anh VHQ thấy rằng: Chị T, anh Q quen biết, tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện Hoà Thành (nay là phường Hiệp Tân, thị xã Hoà Thành), tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên dùng lời lẽ thô tục để chửi mắng chị, làm cho chị bị tổn thương. Riêng anh Q thừa nhận anh và chị T chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ tháng 8/2023 chị T về nhà cha mẹ vợ sống ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh cũng không gặp mặt chị T để thuyết phục hàn gắn. Do đó, giữa chị T và anh Q không còn sự quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp.

[3] Về con chung: Giao con chung là VHGH, sinh năm: 28/5/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q được quyền thăm con chung, không ai cản trở.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị HTTT đối với anh VHQ. Chị HTTT, anh VHQ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu VHGH, sinh năm: 28/5/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q được quyền thăm con chung, không ai cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị HTTT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010809 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp án phí xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị HTTT, anh VHQ có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Lành